

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HSST

Ngày: 26-03-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Vũ

2. Bà Nguyễn Thị Khuyên

3. Bà Điều Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số 21/2019/QĐXXST - HS ngày 12/3/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 16/5/1991, tại tỉnh huyện Thuận C, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Nà V, xã Mường E, huyện Thuận C, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; con ông: Lò Văn C1 - Sinh năm: 1971 và bà: Lò Thị P - Sinh năm: 1972; có vợ: Lương Thị K - Sinh năm: 1995; có 01 người con - Sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2018, tạm giam từ ngày 01/10/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:**

Bà: Lò Thị Khánh H - Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

Đ/c: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3, thị trấn Mường Ả, huyện Mường Ả, tỉnh Điện Biên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lò Văn S - Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Bản Tọ C2, xã Ảng T1, huyện Mường Ả1, tỉnh Điện Biên (Hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Phú Thọ - VẮng mặt).

2. Ông: Lường Văn T2 - Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Bản Tọ C2, xã Ảng T1, huyện Mường Ả1, tỉnh Điện Biên (VẮng mặt).

3. Bà: Lò Thị C3 - Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Bản Tọ C2, xã Ảng T1, huyện Mường Ả1, tỉnh Điện Biên (VẮng mặt).

4. Ông: Lò Văn N - Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Bản Tọ C2, xã Ảng T1, huyện Mường Ả1, tỉnh Điện Biên (VẮng mặt).

5. Ông: Lò Văn T3 - Sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Bản Tọ C2, xã Ảng T1, huyện Mường Ả1, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

6. Ông Lò Văn D - Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Tiểu khu z, thị trấn Thuận C1, huyện Thuận C, tỉnh Sơn La (VẮng mặt).

** Người phiên dịch tiếng dân tộc Thái cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T3:*

Bà: Lò Thị Kim T4 - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ nơi công tác: Trường Trung học cơ sở Pú H, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/9/2018 Lò Văn T xuống Hà Nội đi làm thuê, trong thời gian ở Hà Nội thông qua trang mạng xã hội Facebook Lò Văn T và Lò Văn S đã kết bạn, Thom gọi S (là chú họ) nhà ở bản Bản Tọ Cang, xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Lò Văn S cũng đang làm thuê ở Hà Nội, thông qua ứng dụng tin nhắn Messenger của mạng xã hội Facebook, Si đã nhắn tin hẹn T sang nhà nghỉ Trường G gần bến xe khách Mỹ Đ1 - Hà Nội chơi, T nhận lời và sang chỗ S chơi, sau khi gặp nhau S đặt vấn đề thuê T vận chuyển Heroine cho S, từ nhà S xuống Hà Nội, sẽ trả công cho T 15 triệu đồng/ 01 tháng, T đồng ý. Đến chiều ngày 26/9/2018 S bảo T đón xe khách lên nhà S để lấy Heroine mang xuống Hà Nội cho S. T đồng ý và đón xe khách từ Hà Nội đi Điện Biên. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 27/9/2018 khi xe khách đến đoạn đường qua cầu Bản T4 (cầu 30) Mường Ả1, chỗ có đường rẽ đi vào nhà Lò Văn S, T xuống xe gọi điện cho Lò Thị C3 (vợ S) ra đón vào nhà C3, (lấn ở tạm) ngồi chơi nói chuyện, một lúc sau

T đi chơi quanh nhà hàng xóm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày T nhận được tin nhắn của S, S bảo T xuống nhà S để lấy đồ mang xuống Hà Nội cho S, đọc tin nhắn xong T hiểu là S bảo T xuống nhà lấy Heroine mang xuống Hà Nội cho S. T đi xuống lán tạm nhà S, lúc này Lò Thị C3 đang ăn cơm ở nhà Lò Văn N (gần nhà C3), T gọi C3 về lán, khi về đến lán ở tạm C3 đưa cho T 01 cục Heroine có khối lượng 13,32 gam, T cầm và cất trong túi ba lô đang đựng quần áo của T, sau đó C3 chỉ cho T còn bánh Heroine trong túi ba lô treo ở cạnh giường ngủ, T đi đến cạnh giường ngủ mở túi ba lô lấy 01 bánh Heroine có khối lượng 344,84 gam cho chung vào túi đựng quần áo của T, T bảo C3 đi mượn xe máy để chở T ra đường Quốc lộ 279 để đón xe khách đi Hà Nội. C3 mượn xe máy của Lò Văn T3 mang về, Thơm nhờ Lò Văn D chở đi, khi D đang chở T đến khu vực Bản Tọ C2, xã Áng T1, huyện Mường Ả1, tỉnh Điện Biên thì bị Công an huyện Mường Ả1 phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng. Tổng khối lượng Heroine thu giữ của Lò Văn Thơm là 358,16 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 847/ GD-PC09, ngày 11/10/ 2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 02 mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn T gửi giám định là ma túy: Loại heroine. Khối lượng thu giữ của Lò Văn T là 358,16 gam heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, Danh mục I, NĐ 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 28/1/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 20 (*hai mươi*) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật: Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. khi nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được miễn án phí hình sự

sơ thẩm vì bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo: Bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, bản thân không được đi học. Quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T khai nhận, do cần tiền và biết được việc vận chuyển ma túy được trả công cao, nên ngày 27/9/2018, bị cáo Lò Văn T đã có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy và bị Công an huyện Mường Ảng 1 phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng. Tổng khối lượng Heroine thu giữ của Lò Văn T là 358,16 gam, tại cơ quan Công an huyện Mường Ảng 1 tỉnh Điện Biên, Lò Văn T khai nhận số ma túy đó là do bị cáo nhận từ một người đàn ông dân tộc Mông, vận chuyển về Hà Nội để lấy tiền công là 05 triệu đồng. Nhưng tại cơ quan Điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Lò Văn T đã thay đổi lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm: Lò Văn T khai nhận số ma túy đó là do Lò Văn S (là chú họ) nhà ở bản Tọ C2, xã Ảng T, huyện Mường Ảng 1, tỉnh Điện Biên thuê bị cáo vận chuyển Heroine từ Mường Ảng về Hà Nội (Thơm được S trả công 15 triệu đồng/tháng). T nhận lời, đến ngày 27/9/2018, Lò Văn T đã vào lán tạm của S và được vợ của S là Lò Thị C3 đã chỉ chỗ có ma túy để T vận chuyển về Hà Nội, trên đường vận chuyển Heroine về Hà Nội thì bị cáo bị Công an huyện Mường Ảng 1 bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù lời khai của bị cáo có sự thay đổi song căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của Lò Văn S và Lò Thị C3 thấy rằng, Lò Văn S đều không thừa nhận có thuê Lò Văn T vận chuyển ma túy mà chỉ nhờ T vào nhà lấy một số đồ dùng, quần áo (BL: 75, 208, 209) mang về Hà Nội cho S. Tại biên bản đối chất giữa Lò Thị C3 (BL: 139, 140, 141, 142) và Lò Văn T cùng các biên bản ghi lời khai của C3 đều thể hiện Lò Thị C3 hoàn toàn không biết việc Lò Văn T vận chuyển ma túy cho ai, nguồn gốc số ma túy đó do đâu mà có (Bút lục: 192, 193, 194, 195). Trong hồ sơ cũng chỉ có một lời khai của bị cáo Lò Văn T cho rằng số ma túy đó là của Lò Văn S do Lò Thị C3 là người chỉ chỗ cho T để lấy.

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội: "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 250 Bộ luật hình sự quy định:

“.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình;

b) heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi vận chuyển trái phép 358,16 gam Heroine của bị cáo Lò Văn T đã cấu thành tình tiết định khung, được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Lò Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, mặc dù bị cáo phạm tội lần đầu nhưng tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp chính của bị cáo là làm nương, không có nguồn thu nhập nào khác, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS

- Tịch thu tiêu hủy 357,06 gam heroine thu giữ của Lò Văn T là vật chứng còn lại của vụ án sau khi giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ba lô màu đen, nhãn hiệu fashion, loại có 05 (năm) ngăn khóa kéo, ba lô cũ đã qua sử dụng bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A71K, mặt trước điện thoại màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím bấm. Điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân, số: 050753737, mang tên: Lò Văn T; 01 đồng hồ điện tử, loại đồng hồ đeo tay dây bằng kim loại màu đen, nhãn hiệu: SKMEI, đồng hồ cũ đã qua sử dụng; Tiền ngân hàng nhà nước Việt nam đang lưu hành = 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) là những tài sản của Lò Văn T không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm nhưng do bị cáo là dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, HĐXX quyết định miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong vụ án theo lời khai của bị cáo thì số ma túy đó do Lò văn S là người thuê bị cáo và Lò Thị C3 là người đã chỉ chỗ để bị cáo nhận ma túy. Song, Cơ quan Điều tra và truy tố cho rằng: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Lò Văn S và Lò Thị C3. Sẽ tiếp tục xử lý sau khi có đủ căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này đối với S và C3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng: điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 20 (*hai mươi*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2018.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

** Tịch thu tiêu hủy:*

- Tịch thu tiêu hủy 357,06 gam heroine thu giữ của Lò Văn T là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ba lô màu đen, nhãn hiệu fashion, loại có 05 (năm) ngăn khóa kéo, ba lô cũ đã qua sử dụng bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng.

** Tịch thu sung ngân sách nhà nước:*

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A71K, mặt trước điện thoại màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

** Trả lại cho bị cáo Lò Văn T:*

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím bấm. Điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 chứng minh nhân dân, số: 050753737, mang tên: Lò Văn T;

- 01 đồng hồ điện tử, loại đồng hồ đeo tay dây bằng kim loại màu đen, nhãn hiệu: SKMEI, đồng hồ cũ đã qua sử dụng;

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt nam đang lưu hành = 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*);

Là những tài sản của Lò Văn T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/01/2019 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Áp điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn T3 có quyền kháng cáo Bản án

về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn S, Lò Thị C3, Lò Văn N, Lường Văn T3, Lò Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã nơi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- TTG. CA tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP - Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- UBND xã Mường E (Để biết);
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng